TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62**/2023/HS-ST
Ngày: 20/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhẫm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Ngọc Đ; Sinh năm: 1963 (bị cáo khai không biết ngày, tháng sinh); Sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Không xác định; Chỗ ở: 314/12B đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn B (chết) và bà: Lê Kim H (chết); Có chồng: Là ông Trương Văn T (không đăng ký kết hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Bà Võ Thị Kim N; Sinh năm: 1990; Thường trú: 483/16 đường HHL, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 171 đường KDV, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Ngọc A; Sinh năm: 1964; Thường trú: 178/16 đường ĐVB, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ C1-05.06 Chung cư S, đường VCC, phường PH, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Trương Văn T; Sinh năm: 1957; Thường trú: 102 Lô G, Cư xá HP, Phường J, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (ông T đã chết do bị bệnh - theo Giấy báo tử số: 34, Quyển số: 01/2023 ngày 24/6/2023 của Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người đại diện hợp pháp của ông Trương Văn T:* Ông Lê Phi H; Sinh năm: 1999 và bà Lê Thủy T; Sinh năm: 2001 - Là con của ông Trương Văn T; Cùng trú tại: 314/12B đường LHP; Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 17/4/2023, ông Trương Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 54Z1-5231 chở Lê Ngọc Đ lưu thông trên đường Kinh Dương Vương. Khi chạy ngang cửa hàng bán nhôm THV, địa chỉ 173 đường KDV, Phường L, Quận F, Đ thấy bà Võ Thị Kim N (nhân viên bán hàng) ngồi trong cửa hàng sử dụng điện thoại, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Để thực hiện ý định, Đ kêu ông T dừng xe chờ để Đ vào trong cửa hàng mua đồ. Thấy có khách vào xem hàng, nói muốn mua 02 bộ cửa nhôm, bà N để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 lên bàn và đi ra tư vấn cho Đ. Lợi dụng lúc bà N quay lưng không để ý, Đ lấy chiếc điện thoại của bà N giấu vào túi áo khoác bên phải. Sau đó, Đ nói với bà N để về suy nghĩ lại, rồi ra kêu ông T chở về. Đến khu vực chợ XC, Quận H, Đ kêu ông T dừng lại đợi Đ đi mua thuốc (mục đích là để Đ đi tìm người bán chiếc điện thoại của bà N). Khi vào trong chợ, Đ đã bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) lấy 8.000.000 đồng tiêu xài.

Về phía bà N, sau khi phát hiện thấy mất chiếc điện thoại đã kiểm tra Camera ghi hình thì phát hiện Đ chính là người đã lấy trộm chiếc điện thoại, nên đến Công an Phường L, Quận F trình báo.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 bắt giữ Lê Ngọc Đ. Qua đấu tranh, Đ khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 5 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 256Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 17/4/2023 là: 24.500.000 đồng.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 79/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Lê Ngọc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 75/QĐ-ĐCSHS).

Đối với ông Trương Văn T, quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định ông T biết và có liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Ngọc Đ, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 60/CT-VKS-Q6 ngày 01 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Ngọc Đ khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi lấy trộm của bà Võ Thị Kim N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím để trên bàn trong cửa hàng bán nhôm THV, địa chỉ 173 đường KDV, Phường L, Quận F vào khoảng 15 giờ ngày 17/4/2023 như nội dung bản cáo trạng nêu. Ngoài ra, bị cáo trình bày do hoàn cảnh quá khó khăn, nên bị cáo không có khả năng bồi thường theo yêu cầu của bị hại;

Ông Lê Phi H, bà Lê Thủy T trình bày: Ông H, bà T là con ruột của ông Trương Văn T và Lê Ngọc Đ. Về nguồn gốc của chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231, ông H, bà T chỉ biết là của ông T mua và có nghe ông T nói có giấy tờ xe, nhưng đã làm mất. Còn việc ông T mua xe của ai, mua khi nào, mua với giá bao nhiêu thì ông H, bà T hoàn toàn không biết và ông, bà cũng không có giấy tờ gì để chứng minh chiếc xe này là tài sản hợp pháp của ông T. Tuy nhiên, ông H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả chiếc xe lại cho ông để ông có phương tiện đi lại. Riêng bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với chiếc xe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Ngọc Đ như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Ngọc Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lê Ngọc Đ bồi thường cho bà Võ Thị Kim N trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 256Gb là 24.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu vàng (có in hình hai bông hoa); 01 áo thun ngắn tay (có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng); 01 quần thun dài (có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng); 01 áo khoác dài tay (có hai túi áo, sọc caro màu xanh đen).

Giao 01 chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231, số máy: VHLFM152FMH-V305136, số khung: RMNWCHFMN7H005136 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Drama, số loại 110, dung tích 107) cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục thông báo giải quyết theo diện tài sản vắng chủ.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trương Văn T điều khiển xe gắn máy chở Lê Ngọc Đ lưu thông trên đường Kinh Dương Vương, Quận 6 vào lúc 15 giờ 09 phút ngày 17/4/2023) do bà Võ Thị Kim N cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Lê Ngọc Đ), đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Th và hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL177, 177A), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Ngọc Đ nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, lo cho các con, lo cho chồng vừa mới mất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của ông Trương Văn T; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lê Ngọc Đ tại phiên tòa với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 18/4/2023, Thực nghiệm điều tra ngày 24/5/2023 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Võ Thị Kim N; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Văn T và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Ngọc Đ đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Khoảng 15 giờ ngày 17/4/2023, tại cửa hàng bán nhôm THV, địa chỉ 173 đường KDV, Phường L, Quận F, bị cáo Lê Ngọc Đ đã lợi dụng sự sơ hở của bà Võ Thị Kim N, lén lút chiếm đoạt của bà N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 256Gb trị giá 24.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an

xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Ngọc Đ là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc Đ đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Ngọc Đ còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Lê Ngọc Đ đã chiếm đoạt và làm thiệt hại của bà Võ Thị Kim N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 256Gb. Tại phiên tòa, bà N vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, bà N yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc điện thoại này theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 (theo Biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2023 của Công an Quận 6 - BL53). Xét yêu cầu của bà N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Và theo Kết luận định giá tài sản ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 thì trị giá của chiếc điện thoại trên là 24.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bà N số tiền này theo quy định tại khoản

1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Võ Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lê Ngọc Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lê Ngọc Đ còn phải trả bà Võ Thị Kim N khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Việc xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 nón bảo hiểm màu vàng, có in hình hai bông hoa; 01 áo thun ngắn tay, có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng; 01 quần thun dài, có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng; 01 áo khoác dài tay, có hai túi áo, sọc caro màu xanh đen (bị cáo Lê Ngọc Đ mặc lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231 thu giữ của ông Trương Văn T. Theo Kết luận giám định số: 2900/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL114) và Phiếu trả lời xác minh ngày 04/7/2023 của Công an Quận 6 (BL176) thì chiếc xe có số máy: VHLFM152FMH-V305136, số khung: RMNWCHFMN7H005136 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Drama, số loại 110, dung tích 107), đứng tên chủ xe là bà Nguyễn Ngọc A. Qua xác minh, bà A xác nhận chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231 là xe của bà và bà đã bán lại cho người khác (do lâu quá nên bà không nhớ đã bán cho ai), nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, bà A xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (Biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2023 của Công an Quận 6 - BL63). Còn ông T khai mua chiếc xe biển số 54Z1-5231 từ một người không rõ lai lịch vào năm 2015, với giá 3.500.000 đồng, có giấy đăng ký xe nhưng ông T đã làm mất (Biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2023 của Công an Quận 6 - BL49). Ngày 24/6/2023, ông T bị bệnh chết. Bị cáo Lê Ngọc Đ và các con của ông T là ông Lê Phi H, bà Lê Thủy T đều khai chỉ biết chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231 là xe của ông T, thường ngày thấy ông T sử dụng và có nghe ông T nói có giấy tờ xe, nhưng đã làm mất. Còn việc ông T mua xe của ai, mua khi nào thì bị cáo Đ, ông H, bà T hoàn toàn không biết. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (tại Cơ quan điều tra, ông T cũng xác nhận ông không có giấy tờ gì để chứng minh chiếc xe này là tài sản hợp pháp của ông), nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là giao chiếc xe cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì trả lại cho họ

theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 45/PNK ngày 19 tháng 5 năm 2023 và số: 51/PNK ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 51/QĐ-VKS-Q6 ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[7.3] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trương Văn T điều khiển xe gắn máy chở Lê Ngọc Đ lưu thông trên đường KDV, Quận F vào lúc 15 giờ 09 phút ngày 17/4/2023) do bà Võ Thị Kim N cung cấp và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Lê Ngọc Đ), đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Th và hai hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL177, 177A), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Đối với ông Trương Văn T, Viện kiểm sát xác định ông T không biết và cũng không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc Đ, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý. Mặt khác, quá trình điều tra, ông T cũng đã chết do bị bệnh.

Còn người đàn ông mà bị cáo Lê Ngọc Đ khai mua chiếc điện thoại từ bị cáo ở khu vực chợ XC, Quận H, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Bị cáo Lê Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (bị cáo sinh năm 1963, nhưng không xác định được ngày, tháng, nên Hội đồng xét xử lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm 1963 làm ngày, tháng sinh của bị cáo. Do đó không đủ căn cứ để xem xét cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Đ** 09 (chín) tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Đ bồi thường cho bà Võ Thị Kim N 24.500.000 (hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà Võ Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lê Ngọc Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lê Ngọc Đ còn phải trả bà Võ Thị Kim N khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng, có in hình hai bông hoa; 01 (một) áo thun ngắn tay, có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng; 01 (một) quần thun dài, có in hình hoa văn bông hoa màu đỏ, vàng; 01 (một) áo khoác dài tay, có hai túi áo, sọc caro màu xanh đen.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 54Z1-5231, số máy: VHLFM152FMH-V305136, số khung: RMNWCHFMN7H005136 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Drama, số loại 110, dung tích 107) để thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì trả lại cho họ.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Ngọc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.225.000 (một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lê Ngọc Đ, ông Lê Phi H, bà Lê Thủy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Võ Thị Kim N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên